

Số: **2788** /QĐ-BNN-TCTL

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư
Gia cố kênh tưới chính trạm bơm Như Trác, tỉnh Hà Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ các Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 và số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ các Nghị định của Chính Phủ: số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 và 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 1061/QĐ-BNN-KH ngày 13 tháng 4 năm 2009 cho phép lập dự án đầu tư và giao nhiệm vụ chủ đầu tư xây dựng công trình của dự án Gia cố kênh tưới chính trạm bơm Như Trác, tỉnh Hà Nam;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam tại văn bản số 881/UBND-NN& TNMT ngày 28 tháng 6 năm 2010 và của Giám đốc Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Nam Hà Nam tại Tờ trình số 08 TT/CT-NHN ngày 23 tháng 9 năm 2010 xin phê duyệt dự án đầu tư dự án Gia cố kênh tưới chính trạm bơm Như Trác, tỉnh Hà Nam;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, kèm theo Báo cáo thẩm định số 117 /BC-TCTL-XDCB ngày 14 tháng 10 năm 2010 của Tổng cục Thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình “Gia cố kênh tưới chính trạm bơm Như Trác, tỉnh Hà Nam” như sau:

- Tên dự án:** Gia cố kênh tưới chính trạm bơm Như Trác, tỉnh Hà Nam.
- Địa điểm xây dựng:** Huyện Thanh Liêm, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam và huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.
- Chủ đầu tư:** Giám đốc Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Nam Hà Nam.

4. **Tổ chức tư vấn lập dự án:** Công ty tư vấn Xây dựng & phát triển nông thôn - Tổng công ty Xây dựng nông nghiệp và PTNT.

5. **Chủ nhiệm lập dự án:** Kỹ sư Trần Hồng Huệ.

6. **Mục tiêu đầu tư xây dựng:**

Gia cố các tuyến kênh Đông và Tây thuộc tuyến kênh tưới chính trạm bơm Như Trác và xây dựng bổ sung 1 trạm bơm để đảm bảo tưới chủ động cho khoảng 4.125 ha đất canh tác thuộc các huyện Bình Lục, Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam và huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

7. **Hình thức đầu tư:** Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới công trình.

8. **Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

9. **Các chỉ tiêu thiết kế:**

- Cấp công trình: Công trình cấp III

- Hệ số tưới $q = 1,25 \text{ l/s.ha}$

- Mức đảm bảo tưới $p = 85\%$

10. **Các hạng mục công trình được duyệt:**

10-1. **Kênh chính Đông:**

- Gia cố 12.358,75m tuyến kênh chính (trên tổng chiều dài kênh là 13.458,75m), gồm 4 nhánh. Kết cấu: Đáy và mái kênh bằng BTCT M200 đổ trực tiếp; nạo vét, đắp hoàn chỉnh lại mặt cắt các đoạn kênh còn lại. Các thông số chủ yếu của các đoạn kênh như sau:

TT	Nhánh/ đoạn kênh	Q (m^3/s)	L (m)	m	i	B (m)	H (m)	Nội dung sửa chữa
I	Kênh chính		3.441,75					
1	Đoạn 1: K0 ÷ K0+322,75	2,20	322,75	1,5	5×10^{-5}	2,0	1,8	Gia cố đáy và mái
2	Đoạn 2: K0+322,75 ÷ K0+810,25	2,20	487,5	0	1×10^{-4}	3,2	1,8	Gia cố đáy và mái
3	Đoạn 3: K0+810,25 ÷ K2+272,75	1,29	1.462,5	0	5×10^{-5}	2,8	1,8	Gia cố đáy và mái
4	Đoạn 4: K2+272,75 ÷ K3+323,75	0,605	1.051	0	7×10^{-5}	1,5	1,7	Gia cố đáy và mái
5	Đoạn 5: K3+323,75 ÷ K3+441,75	1,49	118	0	1×10^{-4}	2,5	1,7	Gia cố đáy và mái
II	Kênh chính Tây		2.894					
1	Đoạn 1: K3+441,75 ÷ K4+919,75	1,159	1.478	0	1×10^{-4}	2,1	1,7	Gia cố đáy và mái

2	Đoạn 2: K4+919,75÷ K6+335,75	0,852	1.416	0	1×10^{-4}	1,7	1,7	Gia cố đáy và mái
III	Kênh chính Hữu		3.972					
1	Đoạn 1: K0 ÷ K0+439,5	0,948	439,5	0	1×10^{-4}	2,0	147	Gia cố đáy và mái
2	Đoạn 2: K0+439,5÷ K1+400	0,948	960,5	1,5	7×10^{-5}	0,7	1,4	Gia cố đáy và mái
3	Đoạn 3: K1+400 ÷ K3+020	1,135	1.620	1,5	1×10^{-4}	0,7	1,4	Gia cố đáy và mái
4	Đoạn 4: K3+020 ÷ K3+320	1,135	300	0	1×10^{-4}	2,4	1,4	Gia cố đáy và mái
5	Đoạn 5: K3+320÷ K3+972	1,135	652	1,5	1×10^{-4}	0,7	1,4	Gia cố đáy và mái
IV	Kênh tưới TB Quang Trung		3.151					
1	K0 ÷ K1+403	1,05	1.403	1,5	7×10^{-5}	0,7	1,5	Gia cố đáy và mái
2	K1+403 ÷ K2+051	0,916	648	1,5	7×10^{-5}	0,7	1,4	Gia cố đáy và mái
3	K2+051 ÷ K3+151	0,916	1.100	1,5	7×10^{-5}	1,4 5	1,4	Nạo vét, đắp hoàn chỉnh mặt cát

- Xây dựng trạm bơm Tiêu Động tại vị trí K1+390 kênh chính Hữu để bơm nước từ kênh tiêu Tân Hoà và kênh BH23 bổ sung nước vào cuối kênh chính Đông, đồng thời làm nhiệm vụ tiêu hỗ trợ cho diện tích 400 ha ứng cực bộ, gồm:

+ Trạm bơm trực đứng với lưu lượng trạm $Q_{tkb} = 2,083 \text{ m}^3/\text{s}$, Mức nước thiết kế bể xả: + 2,30, mức nước thiết kế bể hút + 0,2. Trạm bơm có 3 máy bơm, $Q_{mb} = 2.250-2700 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 5,6-3,2 \text{ m}$, công suất động cơ $N = 55 \text{ KW}$

+ Khu quản lý đầu mối: Tổng diện tích mặt bằng khu đầu mối (trạm bơm, trạm biến áp, nhà quản lý và khuôn viên đầu mối) là 930 m^2 . Nhà quản lý có diện tích 65 m^2 là nhà cấp IV, mái bằng một tầng.

+ Hệ thống điện cao, hạ thế: Trạm biến áp được lắp đặt 1 MBA 250KVA, 110/0,4KV, đường điện cao thế $L = 50 \text{ m}$.

- Khôi phục các xiphông Thượng Thọ và trên kênh trạm bơm Quang Trung tại K1+976.

- Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng các công trình trên kênh, gồm:

+ Cổng điều tiết: 12 cổng.

- + Cổng lấy nước đầu kênh: 60 cổng.
- + Cổng qua đường: 30 cổng.
- + Cổng luồn tiêu: 02 cổng
- + Cầu dân sinh (kết hợp đường gom bên bờ kênh): 44 cái
- + Cầu giao thông (tải trọng 8 -10 T): 11 cầu

10-1. Kênh chính Tây:

- Gia cố 5.253 m kênh chính (trên tổng chiều dài 8.062 m), gồm 2 nhánh. Kết cấu: Đáy và mái kênh bằng BTCT M200, đổ trực tiếp; nạo vét, đắp hoàn chỉnh lại mặt cắt các đoạn kênh còn lại. Các thông số chủ yếu của các đoạn kênh như sau:

TT	Nhánh/ đoạn kênh	Q (m ³ /s)	L (m)	m	i	B (m)	H (m)	Nội dung sửa chữa
I	Kênh chính		7.180					
1	Đoạn 1: K0 ÷ K0+800	0,585	800	0	1×10^{-4}	1,4	1,5	Gia cố đáy và mái
2	Đoạn 2: K0+800 ÷ K4+371	0,940	3.571	1,5	5×10^{-5}	1,0	1,4	Gia cố đáy và mái
3	Đoạn 3: K4+371 ÷ K6+490,6	0,950	2.119,6	1,5	7×10^{-5}	1,55	1,4	Nạo vét, đắp hoàn chỉnh mặt cắt
4	Đoạn 4: K6+490,6 ÷ K7+180	0,340	689,4	0	2×10^{-5}	0,7	1,4	Nạo vét, đắp hoàn chỉnh mặt cắt
II	Kênh tưới TB Nga Nam		882					
	K0 ÷ K0+882	2,083	882	1,5	1×10^{-4}	1,2	1,6	Gia cố đáy và mái

- Xây dựng lại xiphông tại K4+371 có $Q^k = 0,94 \text{ m}^3/\text{s}$, Kết cấu bằng BTCT M200.

- Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng các công trình trên kênh, gồm:

- + Cổng điều tiết: 03 cổng.
- + Cổng lấy nước đầu kênh: 27 cổng.
- + Cổng qua đường: 01 cổng.
- + Cổng luồn tiêu: 04 cổng
- + Cầu dân sinh: 02 cái
- + Cầu giao thông (Tải trọng 8 -10T): 10 cầu.

11. Tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư tính theo mặt bằng giá quý III/2010 tỉnh Hà Nam là:

98.932.288.000 đồng

(Chín mươi tám tỷ, chín trăm ba mươi hai triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn đồng)

Kinh phí trên thuộc nguồn vốn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

ĐẢNG BỘ TRƯỞNG
TRƯỞNG

[Signature]

Hồng Văn Thắng

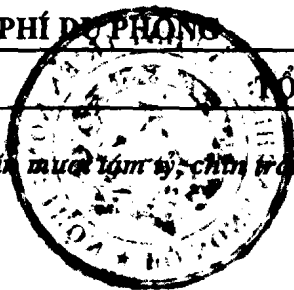


TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: Gia cố kênh tưới tiêu và trạm bơm Như Trác, tỉnh Hà Nam
(Kèm theo Quyết định số 103/QĐ-BNN-TCTL ngày 21 tháng 10 năm 2010)

STT		TMĐT (đ)
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	74.868.191.000
1	Kênh Đông và công trình trên kênh	55.184.288.000
2	Kênh Tây và công trình trên kênh	19.683.903.000
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	1.714.105.000
III	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG	-
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	1.163.898.000
V	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	4.129.403.000
1	Khảo sát + lập DAĐT	818.520.000
2	Khảo sát giai đoạn lập TKBVTC + Thiết kế BVTC	1.958.017.000
3	Chi phí thẩm tra thiết kế	68.355.000
4	Chi phí thẩm tra dự toán	59.690.000
5	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT xây lắp + thiết bị	78.239.000
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng, lắp đặt TB	1.146.582.000
VI	CHI PHÍ KHÁC	567.976.000
1	Thẩm định DAĐT+TKCS	19.514.000
2	Chi phí bảo hiểm CT	268.038.000
3	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	115.281.000
4	Chi phí kiểm toán	165.143.000
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	16.488.715.000
	TỔNG CỘNG	98.932.288.000

(Chỉ mức tạm ứng, chỉ từ ba mươi hai triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn đồng)



Phụ